

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 3 - 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Yến, ông Nguyễn Văn Thụ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 483/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào ngày 25/10/2003 trên tinh thần tự nguyện, được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Lục Nam. Cưới xong chị về chung sống với anh H tại thôn V, xã H. Vợ chồng chung sống tình cảm, hòa thuận từ khi cưới đến tháng 8 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, thường bất đồng quan điểm trong việc làm ăn, phát triển kinh tế. Từ tháng 8/2018 vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó đến nay. Nay chị thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Tiến C, sinh ngày 26/8/2004 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 19/6/2010. Hiện nay cháu C đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết. Còn cháu H hiện nay đang đi học, sống phụ thuộc bố mẹ, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu C.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Nguyễn Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị và anh Nguyễn Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T xin chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh xác định lời khai của chị Nguyễn Thị T về thời điểm vợ chồng kết hôn và có đăng ký tại UBND xã H vào năm 2003 là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, chỉ thi thoảng cãi nhau, nguyên nhân do chị T hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ giữa năm 2018 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T xin ly hôn thì anh có quan điểm là mong chị T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, trường hợp chị T vẫn kiên quyết thì anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị T khai là đúng, nay cháu C đã trưởng thành nên anh không đề nghị gì, còn cháu H đang đi học và sống phụ thuộc bố mẹ, việc cháu H muốn ở với ai thì do cháu quyết định. Trường hợp cháu muốn ở với mẹ (T) thì anh cũng đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên những ý kiến trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Hữu H, sinh ngày 19/6/2010.

Anh Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí ngày 19/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị T là người có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Bị đơn anh Nguyễn Văn H là người có địa chỉ cư trú tại thôn V, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào ngày 25/10/2003, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do vậy xác định quan hệ giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H là hôn nhân hợp pháp, đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Căn cứ lời khai các bên và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H trong quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp trong việc làm ăn, phát triển kinh tế và đời sống tình cảm. Từ tháng 8/2018 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc, không quan hệ tình cảm với nhau nữa, tại các phiên làm việc tại Tòa án cả hai bên đều thừa nhận việc này. Qua đó xác định, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H là có thật và mâu thuẫn này đã kéo dài nhiều năm nay. Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh H, anh H trình bày muốn hàn gắn hôn nhân nhưng nếu chị T vẫn kiên quyết thì anh cũng đồng ý ly hôn. Qua đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Do vậy cần áp dụng

Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H có hai con chung là Nguyễn Tiến C, sinh ngày 26/8/2004 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 19/6/2010. Nay cháu C đã trưởng thành nên chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu Nguyễn Hữu H, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, anh H đề nghị căn cứ nguyện vọng của con, muốn ở với ai thì giải quyết theo ý cháu.

Xét thấy cháu Nguyễn Hữu H đã trên 7 tuổi và có lời khai muốn ở với mẹ. Do vậy cần giao cháu H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và nguyện vọng của các bên.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con là Nguyễn Hữu H, sinh ngày 16/9/2010.

Anh Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014093 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện

Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- UBND xã H, huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao.
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn